

Bản án số: 176/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **LÊ THỊ CẨM TH**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **TRƯƠNG THANH T**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 04/3/2020 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm Th trình bày:*

Do quen biết nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cự cãi. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có hai cháu tên Trương Thị Phương Th1, sinh ngày 19/6/2010, Trương Thiên B, sinh ngày 11/10/2015, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi hết hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh T không cung cấp văn bản ý kiến gì đến Tòa án và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh T vắng mặt không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **Về tố tụng:**

[1] Anh Trương Thanh T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

### **Về nội dung:**

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, chị Th trình bày do quen biết nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cự cãi. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T. Xét thấy, cho chị Th được ly hôn anh T là có cơ sở. Bởi lẽ, quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được do đó cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có hai cháu tên Trương Thị Phương Th1, sinh ngày 19/6/2010, Trương Thiên B, sinh ngày 11/10/2015, hiện đang sống với chị. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho chị Th nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, các cháu đã sống ổn định với chị Th từ khi vợ chồng ly thân đến nay và cháu Th1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, theo văn bản xác nhận của đại diện địa phương do đương sự cung cấp cho rằng chị Th có đủ điều kiện kinh tế ổn định nuôi hai cháu. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập của các cháu nên giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Th xác nhận không có cũng như bản thân anh T cũng không có văn bản ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến vấn đề này nên không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[5] *Về án phí:* Chị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm Th. Cho chị Lê Thị Cẩm Th được ly hôn với anh Trương Thanh T.

**Về con chung:** Tiếp tục giao hai cháu Trương Thị Phương Th1, sinh ngày 19/6/2010 và Trương Thiên B, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Th nuôi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Không có nên không đặt ra xem xét.

**Về án phí:** Chị Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0003703 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

